



Tường An CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Quý III năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		751.662.833.690	764.646.028.043
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	359.691.421.143	200.552.722.363
1. Tiền	111		87.691.421.143	79.252.722.363
2. Các khoản tương đương tiền	112		272.000.000.000	121.300.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		90.825.343.882	97.997.691.591
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	89.123.416.359	96.501.964.246
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	1.048.984.465	500.248.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	652.943.058	995.479.345
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		286.036.021.920	459.728.420.211
1. Hàng tồn kho	141	V.5	294.872.937.044	475.254.602.936
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.6	(8.836.915.124)	(15.526.182.725)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		15.110.046.745	6.367.193.878
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	978.093.065	565.466.219
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		11.729.718.801	5.771.021.405
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		2.262.378.625	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		139.856.254	30.706.254

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		213.697.847.687	237.225.104.832
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		210.970.734.405	234.438.581.321
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	187.410.360.283	209.176.752.535
<i>Nguyên giá</i>	222		452.511.846.682	455.767.633.186
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(265.101.486.399)	(246.590.880.651)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	21.353.182.541	25.148.192.423
<i>Nguyên giá</i>	228		33.490.882.138	33.490.882.138
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(12.137.699.597)	(8.342.689.715)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.10	2.207.191.581	113.636.363
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1.824.000.000	1.824.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.11	1.824.000.000	1.824.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		903.113.282	962.523.511
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.12	903.113.282	962.523.511
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		965.360.681.377	1.001.871.132.875

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		573.084.820.999	623.582.625.031
I. Nợ ngắn hạn	310		573.084.820.999	623.582.625.031
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.13	191.669.248.549	175.640.857.288
2. Phải trả người bán	312	V.14	293.904.999.586	388.472.001.977
3. Người mua trả tiền trước	313	V.15	5.285.408.001	3.095.647.491
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	13.613.361.231	9.895.290.106
5. Phải trả người lao động	315	V.17	19.027.893.417	20.421.158.945
6. Chi phí phải trả	316	V.18	32.887.176.538	17.262.316.279
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.19	10.056.445.061	2.618.387.672
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.20	6.640.288.616	6.176.965.273
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		392.275.860.378	378.288.507.844
I. Vốn chủ sở hữu	410		392.275.860.378	378.288.507.844
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.21	189.802.000.000	189.802.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.21	112.389.437.957	107.611.472.427
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.21	-	8.102.230.959
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	V.21	18.980.200.000	10.308.610.006
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.21	71.104.222.421	62.464.194.452
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		965.360.681.377	1.001.871.132.875

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số	
		cuối kỳ	đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		876.024.630	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		143.740,32	272.883,00
Euro (EUR)		-	1,22
...			
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 10 năm 2013

Nguyễn Phương Thảo
Người lập

Vũ Đức Thịnh
Kế toán trưởng

Hà Bình Sơn
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, P. 15, Q. Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ báo cáo quý kết thúc ngày 30.09.2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 3 năm 2013

Đơn vị: Đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh				
			Năm nay	Năm trước	Lũy kế năm nay	Lũy kế năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.082.549.914.839	1.020.830.744.552	3.022.521.064.968	2.957.542.173.320
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	1.362.589.438	8.128.979.870	8.033.557.914	16.290.938.780
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	1.081.187.325.401	1.012.701.764.682	3.014.487.507.054	2.941.251.234.540
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	974.812.302.080	931.299.819.042	2.707.893.164.695	2.693.182.186.476
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		106.375.023.321	81.401.945.640	306.594.342.359	248.069.048.064
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	3.506.194.856	236.533.494	12.567.363.128	2.020.283.005
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	1.700.711.297	2.682.590.878	6.309.999.452	14.945.487.317
Trong đó: chi phí lãi vay	23		1.676.777.457	2.786.262.773	6.078.158.409	14.457.487.166
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	89.634.832.681	57.971.225.595	227.544.393.516	165.330.831.561
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	8.411.019.992	10.250.938.020	27.771.050.975	27.691.120.069
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		10.134.654.207	10.733.724.641	57.536.261.544	42.121.892.122
11. Thu nhập khác	31	VI.7	582.820.490	925.942.428	3.866.919.443	1.863.283.581
12. Chi phí khác	32	VI.8	-	7.785.408	54.378.263	104.878.678
13. Lợi nhuận khác	40		582.820.490	918.157.020	3.812.541.180	1.758.404.903
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	VI.9	10.717.474.697	11.651.881.661	61.348.802.724	43.880.297.025
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	2.424.452.672	2.492.142.596	13.509.737.196	9.431.053.170
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	59.410.229	59.410.229
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	VI.10	8.293.022.025	9.159.739.065	47.779.655.299	34.389.833.626
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	437	483	2.517	1.812

Người lập biểu

Nguyễn Phương Thảo

Kế toán trưởng

Vũ Đức Thịnh



TP. HCM, ngày 18 tháng 10 năm 2013

Tổng giám đốc

Hà Bình Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, P. 15, Q. Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 3 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 3 năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này năm nay	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		61.348.802.724	43.880.297.025
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.8, 9	26.802.359.523	22.152.217.740
- Các khoản dự phòng	03	V.6	(6.689.267.601)	10.969.741.164
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.3	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(601.167.192)	(1.051.134.366)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	6.078.158.409	14.457.487.166
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		86.938.885.863	90.408.608.729
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(876.558.312)	(6.943.538.585)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		180.381.665.892	72.240.422.042
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(60.632.868.757)	(10.186.675.105)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		261.658.321	(292.436.669)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(6.325.340.347)	(15.307.215.147)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.16	(19.075.034.824)	(1.708.163.509)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		369.850.000	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	V.20,21	(3.072.469.422)	(1.375.153.960)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		177.969.788.414	126.835.847.796
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(5.137.615.440)	(2.452.745.050)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.7,8	262.454.545	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		384.000.000	1.172.679.711
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(4.491.160.895)	(1.280.065.339)

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, P. 15, Q. Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 3 năm 2013

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này năm nay	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.13	1.346.077.255.030	1.301.299.760.049
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.13	(1.330.048.863.769)	(1.392.176.956.099)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(30.368.320.000)	(30.409.375.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(14.339.928.739)	(121.286.571.050)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		159.138.698.780	4.269.211.407
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	200.552.722.363	103.697.565.833
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	VI.3	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	359.691.421.143	107.966.777.240

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 10 năm 2013

Nguyễn Phương Thảo

Nguyễn Phương Thảo
Người lập biểu

Vũ Đức Thịnh

Vũ Đức Thịnh
Kế toán trưởng



Hà Bình Sơn
Hà Bình Sơn
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 3 năm 2013

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 3 năm 2013

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất, mua bán và xuất nhập khẩu các sản phẩm chế biến từ dầu, mỡ động thực vật, từ các loại hạt có dầu, thạch dừa; Sản xuất, mua bán các loại bao bì đóng gói; Cho thuê mặt bằng, nhà xưởng...

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Cơ sở lập Báo cáo tài chính**
Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 3 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng nhưng hạch toán phụ thuộc. Các đơn vị trực thuộc hạch toán dưới hình thức báo sổ và tập hợp chứng từ phát sinh về văn phòng công ty để hạch toán và lưu giữ chứng từ.

2. **Áp dụng qui định kế toán mới**

Ngày 24 tháng 10 năm 2012 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 179/2012/TT-BTC qui định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái áp dụng từ năm tài chính 2012. Thông tư này qui định tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh, tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố thay vì sử dụng tỷ giá bình quân liên ngân hàng như hướng dẫn tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Các qui định khác của Thông tư này tương tự như hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái mà Công ty đang áp dụng.

3. **Tiền và tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

4. **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn trong năm.

5. **Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ căn cứ vào đánh giá cụ thể về khả năng thu hồi của từng khoản nợ.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

6. **Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 3 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 20
Máy móc và thiết bị	5 – 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	2 – 7

7. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao trong 10 năm.

Quyền sử dụng đất là tiền thuê đất Công ty trả một lần cho nhiều năm và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại KCN Phú Mỹ I (Bà Rịa – Vũng Tàu) được khấu hao theo thời gian còn lại tính từ khi dự án đi vào hoạt động.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 3 năm.

9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

10. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phân chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

11. Trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 3 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 1% của mức lương đóng BHXH trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

12. Nguồn vốn kinh doanh

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty là vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

13. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là khoản nợ phải trả trong kỳ theo mức cổ tức được công bố.

14. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty như sau:

Mục đích	Tỷ lệ trích lập từ lợi nhuận sau thuế	Mức trích lập tối đa
• Quỹ đầu tư phát triển	Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty 10%	-
• Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động 5%	-
• Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Dự trữ bổ sung vốn điều lệ 5%	10% vốn điều lệ

Mức trích lập các quỹ được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 3 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

16. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

18. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm các nhóm: các khoản phải thu và tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 3 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

19. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ và các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị gốc phát sinh trừ các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 3 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.046.551.091	1.863.479.597
Tiền gửi ngân hàng	86.644.870.052	77.389.242.766
Các khoản tương đương tiền	272.000.000.000	121.300.000.000
Cộng	<u>359.691.421.143</u>	<u>200.552.722.363</u>

2. Phải thu khách hàng

Phải thu các khách hàng tiền bán sản phẩm.

3. Trả trước cho người bán

Ứng trước hoạt động sản xuất kinh doanh.

4. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	-	360.166.667
Trị giá vật liệu hỏng chờ giải quyết	652.943.058	635.312.678
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-
Cộng	<u>652.943.058</u>	<u>995.479.345</u>

5. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hàng mua đang đi trên đường	-	7.114.528.084
Nguyên liệu, vật liệu	165.484.744.639	295.527.961.579
Công cụ, dụng cụ	283.505.740	367.059.050
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	31.653.443.002	76.961.618.937
Thành phẩm	95.973.990.469	92.825.679.455
Hàng hóa	1.477.253.194	2.457.755.831
Cộng	<u>294.872.937.044</u>	<u>475.254.602.936</u>

Một phần hàng tồn kho đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho khoản vay nợ của các Ngân hàng (xem thuyết minh số V.13).

6. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho bao gồm:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng giảm giá cho nguyên liệu	(2.547.859.874)	(9.446.258.746)
Dự phòng giảm giá cho bán thành phẩm	(282.096.838)	(2.023.802.149)
Dự phòng giảm giá cho thành phẩm	(6.006.958.412)	(4.056.121.830)
Cộng	<u>(8.836.915.124)</u>	<u>(15.526.182.725)</u>

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 3 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Số đầu năm	(15.526.182.725)
Trích lập dự phòng trong kỳ	(6.028.738.902)
Hoàn nhập trong kỳ	12.718.006.503
Số cuối kỳ	(8.836.915.124)

7. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Giá trị công cụ dụng cụ còn phải phân bổ	978.093.065	565.466.219
Cộng	978.093.065	565.466.219

Tình hình biến động chi phí trả trước ngắn hạn như sau:

Số đầu năm	565.466.219
Tăng trong kỳ	2.560.384.815
Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ	(2.147.757.969)
Số cuối kỳ	978.093.065

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	160.183.184.490	285.884.638.912	6.898.535.435	2.801.274.349	455.767.633.186
Tăng trong kỳ	43.636.364	906.016.545	965.600.000	45.277.000	1.960.529.909
Mua sắm mới	-	218.876.350	965.600.000	45.277.000	1.229.753.350
Đầu tư XD/CB hoàn thành	43.636.364	687.140.195	-	-	730.776.559
Giảm trong kỳ	(1.666.008.661)	(1.979.524.887)	(694.998.677)	(875.784.188)	(5.216.316.413)
Thanh lý trong năm	(592.187.100)	(49.391.220)	(682.426.404)	(13.584.093)	(1.337.588.817)
Giảm do chuyển sang công cụ dụng cụ	(1.073.821.561)	(1.930.133.667)	(12.572.273)	(862.200.095)	(3.878.727.596)
Số cuối kỳ	158.560.812.193	284.811.130.570	7.169.136.758	1.970.767.161	452.511.846.682
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	23.534.803.583	49.052.394.735	1.676.907.195	1.883.650.161	76.147.755.674
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	65.409.497.975	173.670.110.539	4.842.298.216	2.668.973.921	246.590.880.651
Tăng trong kỳ	8.221.874.980	14.248.531.258	510.858.282	26.085.121	23.007.349.641
Khấu hao trong kỳ	8.221.874.980	14.248.531.258	510.858.282	26.085.121	23.007.349.641
Giảm trong kỳ	(1.398.948.191)	(1.663.986.052)	(649.711.324)	(784.098.326)	(4.496.743.893)
Giảm do thanh lý	(592.187.100)	(49.391.220)	(637.139.051)	(13.584.093)	(1.292.301.464)
Giảm do chuyển sang công cụ dụng cụ	(806.761.091)	(1.614.594.832)	(12.572.273)	(770.514.233)	(3.204.442.429)
Số cuối kỳ	72.232.424.764	186.254.655.745	4.703.445.174	1.910.960.716	265.101.486.399
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	94.773.686.515	112.214.528.373	2.056.237.219	132.300.428	209.176.752.535
Số cuối kỳ	86.328.387.429	98.556.474.825	2.465.691.584	59.806.445	187.410.360.283

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 3 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một phần tài sản cố định hữu hình đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho khoản vay nợ của các Ngân hàng (xem thuyết minh số V.13).

9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Phần mềm máy tính</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	32.970.882.138	520.000.000	33.490.882.138
Số cuối năm	32.970.882.138	520.000.000	33.490.882.138
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	520.000.000	520.000.000
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	7.822.689.715	520.000.000	8.342.689.715
Khấu hao trong kỳ	3.795.009.882	-	3.795.009.882
Số cuối kỳ	11.617.699.597	520.000.000	12.137.699.597
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	25.148.192.423	-	25.148.192.423
Số cuối kỳ	21.353.182.541	-	21.353.182.541
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nhà kho (Vinh)	874.848.181	-
Hệ thống XLNT 50M3/ngày tại Vinh	1.252.963.645	-
Các công trình khác	79.379.755	113.636.363
Cộng	2.207.191.581	113.636.363

Tình hình biến động chi phí SXKD dở dang trong kỳ như sau:

Số đầu năm	113.636.363
Tăng trong kỳ	2.824.331.777
Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	(730.776.559)
Số cuối kỳ	2.207.191.581

11. Đầu tư dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
Đầu tư cổ phiếu Công ty Cổ		1.824.000.000		1.824.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 3 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
phần bao bì dầu thực vật	192.000		192.000	

12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	962.523.511	1.081.343.968
Hoàn nhập trong kỳ	(59.410.229)	(59.410.229)
Số cuối kỳ	903.113.282	1.021.933.739

13. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	191.669.248.549	175.640.857.288
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN – Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh⁽ⁱ⁾</i>	52.337.355.840	140.395.533.812
<i>Ngân hàng TNHH MTV HSBC VN – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh⁽ⁱⁱ⁾</i>	35.000.000.000	35.245.323.476
<i>Ngân hàng TMCP Công Thương VN – Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh⁽ⁱⁱⁱ⁾</i>	51.651.945.961	-
<i>Ngân hàng TNHH MTV ANZ VN – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh⁽ⁱⁱⁱ⁾</i>	52.679.946.748	-
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	-	-
Cộng	191.669.248.549	175.640.857.288

(i) Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tín dụng số 0219/KH/12NH ngày 07 tháng 8 năm 2012 để bổ sung vốn lưu động. Chi tiết khoản vay như sau:

- Hạn mức vay : 150.000.000.000 VNĐ
- Thời gian vay : 1 năm
- Lãi suất vay : Được xác định cho từng Hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ.
- Tài sản đảm bảo : Tín chấp

(ii) Vay Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam) theo Thỏa thuận sửa đổi số HBVN070218 ngày 04 tháng 4 năm 2012 và Bản điều chỉnh VNM07120805 ngày 28 tháng 4 năm 2012 để bổ sung vốn lưu động. Chi tiết khoản vay như sau:

- Hạn mức vay : 5.800.000 USD
- Thời gian vay : 3 năm
- Lãi suất vay : Được xác định cho từng Hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ.
- Tài sản đảm bảo : Hàng tồn kho nhưng phải đảm bảo giá trị tồn kho không dưới 4.500.000 USD

(iii) Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tín dụng số 300019416/2013 ngày 24 tháng 8 năm 2013 để bổ sung vốn lưu động. Chi tiết khoản vay như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯƠNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 3 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Hạn mức vay : 220.000.000.000 VNĐ
- Thời gian vay : tối đa 4 tháng (theo từng Giấy nhận nợ)
- Lãi suất vay : Được xác định cho từng Giấy nhận nợ cụ thể
- Tài sản đảm bảo : Tín chấp

(iii) Vay Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ (Việt Nam) theo Thư đề nghị cung cấp tiện ích – Bản sửa đổi thứ nhất ngày 15 tháng 7 năm 2013 để bổ sung vốn lưu động. Chi tiết khoản vay như sau:

- Hạn mức vay : 5.000.000 USD
- Thời gian vay : 2 tháng / mỗi món vay
- Lãi suất vay : Được xác định cho từng Hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ.
- Tài sản đảm bảo : Thẻ chấp hàng tồn kho

Chi tiết số phát sinh về khoản vay ngắn hạn như sau:

Số dư đầu năm	175.640.857.288
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	1.346.077.255.030
Số tiền vay đã trả trong kỳ	<u>(1.330.048.863.769)</u>
Số dư cuối kỳ	<u>191.669.248.549</u>

14. Phải trả người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam	262.124.509.460	344.094.064.215
Công ty Cổ phần Bao bì Dầu thực vật	961.719.682	300.520.627
Các nhà cung cấp khác	<u>30.818.770.444</u>	<u>44.077.417.135</u>
Cộng	<u>293.904.999.586</u>	<u>388.472.001.977</u>

15. Người mua trả tiền trước

Khoản trả trước của khách hàng về mua sản phẩm.

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	52.082.841	33.909.295.221	(22.827.980.087)	11.133.397.975
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	35.833.648.704	(35.833.648.704)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	8.290.670.324	(10.553.048.949)	(2.262.378.625)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.989.750.300	13.509.737.196	(19.075.034.824)	2.424.452.672
Thuế thu nhập cá nhân	1.853.306.965	2.734.988.957	(4.532.935.338)	55.360.584
Thuế tài nguyên	150.000	1.350.000	(1.350.000)	150.000
Tiền thuê đất	-	463.673.121	(463.673.121)	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 3 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế khác	-	6.000.000	(6.000.000)	-
Cộng	9.895.290.106	94.749.363.523	(93.293.671.023)	11.350.982.606

Thuế nhập khẩu tạm nộp được trình bày trên chi tiêu “Thuế và các khoản phải thu Nhà nước”

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng là 10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp 25%

Công ty được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm 2013 (phần lợi nhuận tăng thêm của Nhà máy dầu Phú Mỹ).

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

17. Phải trả người lao động

Quỹ lương còn phải trả cho người lao động.

18. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trích trước chi phí lãi vay	-	247.181.938
Chi phí trích trước khác (CP bán hàng)	32.887.176.538	17.015.134.341
Cộng	32.887.176.538	17.262.316.279

19. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thuế thu nhập cá nhân tạm thu	1.100.640.558	7.976.157
Kinh phí công đoàn	770.079.703	1.477.315.836
Cổ tức phải trả	48.355.000	48.355.000
Nhận ký quỹ ngắn hạn	1.586.000.000	1.046.640.000
Các khoản phải trả khác	6.551.369.800	38.100.679
Cộng	10.056.445.061	2.618.387.672

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Tăng khác trong kỳ	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	3.768.499.937	2.627.655.177	1.810.000	(1.663.400.000)	4.734.565.114
Quỹ phúc lợi	2.408.465.336	796.327.588	-	(1.299.069.422)	1.905.723.502
Cộng	6.176.965.273	3.423.982.765	1.810.000	(2.962.469.422)	6.640.288.616

21. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 3 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	18.980.200	18.980.200
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	18.980.200	18.980.200
- Cổ phiếu phổ thông	18.980.200	18.980.200
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.980.200	18.980.200
- Cổ phiếu phổ thông	18.980.200	18.980.200
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	1.082.549.914.839	1.020.830.744.552
Doanh thu bán hàng hóa	3.283.534.164	2.417.286.558
Doanh thu bán thành phẩm	1.079.266.380.675	1.018.413.457.994
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(1.362.589.438)	(8.128.979.870)
Giảm giá hàng bán	(846.016.160)	(7.606.060.760)
Hàng bán bị trả lại	(516.573.278)	(522.919.110)
Doanh thu thuần	<u>1.081.187.325.401</u>	<u>1.012.701.764.682</u>
Trong đó:		
Doanh thu thuần bán hàng hóa	3.283.534.164	2.417.286.558
Doanh thu thuần bán thành phẩm	1.077.903.791.237	1.010.284.478.124

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	3.461.664.634	2.652.767.361
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	971.350.637.446	928.647.051.681
Cộng	<u>974.812.302.080</u>	<u>931.299.819.042</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi	3.272.470.980	212.128.405
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	233.723.876	24.405.089
Cộng	<u>3.506.194.856</u>	<u>236.533.494</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 3 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	1.676.777.457	2.786.262.773
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	23.933.840	(103.671.895)
Cộng	<u>1.700.711.297</u>	<u>2.682.590.878</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	5.343.974.189	4.605.614.015
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	509.691.526	313.991.546
Chi phí khấu hao tài sản cố định	166.768.251	166.768.251
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.895.247.020	6.836.539.919
Chi phí khác	75.719.151.695	46.048.311.864
Cộng	<u>89.634.832.681</u>	<u>57.971.225.595</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	5.637.210.537	5.196.209.971
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	407.220.455	190.047.370
Chi phí khấu hao tài sản cố định	231.136.930	227.133.624
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.037.536.758	1.009.119.481
Chi phí khác	1.097.915.312	3.628.427.574
Cộng	<u>8.411.019.992</u>	<u>10.250.938.020</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu tiền bồi thường hợp đồng	600.000	-
Thu tiền bảo hiểm bồi thường	177.988.525	254.561.264
Thu nhập khác	404.231.965	671.381.164
Cộng	<u>582.820.490</u>	<u>925.942.428</u>

8. Chi phí khác

Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	10.717.474.697	11.651.881.661
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng		
- Các khoản điều chỉnh giảm		(303.031.070)
Thu nhập chịu thuế	10.717.474.697	11.348.850.591
Thu nhập được miễn thuế		288.000.000
Thu nhập tính thuế	10.717.474.697	11.363.881.661
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 3 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất phổ thông</i>	2.679.368.674	2.840.970.415
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm cho phần thu nhập tăng thêm từ đầu tư mở rộng</i>	<i>(254.916.002)</i>	<i>(348.827.819)</i>
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	<u>2.424.452.672</u>	<u>2.492.142.596</u>

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	8.293.022.025	9.159.739.065
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	8.293.022.025	9.159.739.065
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	18.980.200	18.980.200
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>437</u>	<u>483</u>

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.048.806.897.415	1.081.509.590.978
Chi phí nhân công	27.700.711.688	24.279.667.787
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.811.082.285	7.397.399.043
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.622.561.280	19.838.734.515
Chi phí khác	76.817.067.007	49.676.739.438
Cộng	<u>1.184.758.319.675</u>	<u>1.182.702.131.761</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**Giao dịch với các bên liên quan**

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tân Bình	Công ty con của Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam
Công ty Cổ phần Bao bì Dầu thực vật	Công ty liên kết của Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam

Trong kỳ Công ty phát sinh nghiệp vụ với các bên liên quan như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam		
Bán thành phẩm	-	-
Mua nguyên liệu	631.258.350.000	601.599.092.500

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 3 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần bao bì dầu thực vật		
Mua bao bì, chi phí gia công phải trả	2.209.735.415	1.247.651.933
Công ty Cổ phần dầu thực vật Tân Bình		
Bán thành phẩm	130.552.432	194.200.000
Tại ngày kết thúc kỳ báo cáo, công nợ với bên liên quan như sau:		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật VN		
Phải trả tiền mua nguyên liệu	262.124.509.460	344.094.064.215
Công ty Cổ phần bao bì dầu thực vật		
Phải trả chi phí gia công và bao bì	961.719.682	300.520.627
Công ty Cổ phần dầu thực vật Tân Bình		
Phải thu tiền bán thành phẩm	-	52.800.000
Cộng	<u>263.086.229.142</u>	<u>344.447.384.842</u>

Tất cả các giao dịch với Công ty mẹ là bên liên quan đều được thực hiện thông qua hợp đồng kinh tế và có phê duyệt của các thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan.

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 10 năm 2013



Nguyễn Phương Thảo
Người lập biểu



Vũ Đức Thịnh
Kế toán trưởng



Hà Bình Sơn
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013

Phụ lục: Tình hình biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	189.802.000.000	101.227.265.504	8.102.230.959	7.116.506.544	41.758.859.069	348.006.862.076
Lợi nhuận năm trước	-	-	-	-	63.842.069.230	63.842.069.230
Trích lập các quỹ năm trước	-	6.384.206.923	-	3.192.103.462	(12.768.413.847)	(3.192.103.462)
Chia cổ tức trong năm nay	-	-	-	-	(30.368.320.000)	(30.368.320.000)
Số dư cuối năm trước	189.802.000.000	107.611.472.427	8.102.230.959	10.308.610.006	62.464.194.452	378.288.507.844
Số dư đầu năm nay	189.802.000.000	107.611.472.427	8.102.230.959	10.308.610.006	62.464.194.452	378.288.507.844
Lợi nhuận năm nay	-	-	-	-	47.779.655.299	47.779.655.299
Trích lập các quỹ năm nay	-	4.777.965.530	-	569.359.035	(7.736.307.330)	(2.388.982.765)
Kết chuyển quỹ trong năm (*)	-	-	(8.102.230.959)	8.102.230.959	-	-
Chia cổ tức trong năm nay	-	-	-	-	(30.368.320.000)	(30.368.320.000)
Chi thường BDH, HĐQT	-	-	-	-	(1.035.000.000)	(1.035.000.000)
Số dư cuối năm nay	189.802.000.000	112.389.437.957	-	18.980.200.000	71.104.222.421	392.275.860.378

(*) Chuyển số dư Quỹ Dự phòng tài chính sang Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ (Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu) và trích đủ 10% vốn điều lệ

Nguyễn Phương Thảo
Người lập biểu

Vũ Đức Thịnh
Kế toán trưởng



Hà Bình Sơn
Tổng Giám đốc

